

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *3412* /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thuốc có tài liệu chứng minh tương đương sinh học - Đợt 17

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 2962/QĐ-BYT ngày 22 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy định tạm thời về các tài liệu cần cung cấp để công bố các danh mục thuốc biệt dược gốc, thuốc tương đương điều trị với thuốc biệt dược gốc, thuốc có tài liệu chứng minh tương đương sinh học và Quyết định số 1545/QĐ-BYT ngày 08 tháng 5 năm 2013 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2962/QĐ-BYT ngày 22 tháng 8 năm 2012 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định tạm thời về các tài liệu cần cung cấp để công bố các danh mục thuốc biệt dược gốc, thuốc tương đương điều trị với thuốc biệt dược gốc, thuốc có tài liệu chứng minh tương đương sinh học;

Căn cứ ý kiến của Hội đồng xét duyệt danh mục thuốc biệt dược gốc, thuốc tương đương điều trị với thuốc biệt dược gốc, thuốc có tài liệu chứng minh tương đương sinh học của Bộ Y tế tại cuộc họp Hội đồng ngày 21 tháng 7 năm 2017;

Căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp số đăng ký lưu hành thuốc Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thuốc có tài liệu chứng minh tương đương sinh học - Đợt 17 gồm 48 thuốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

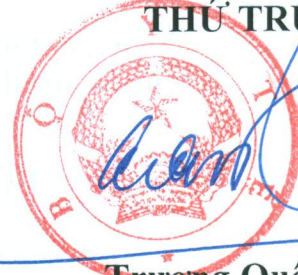
Điều 3. Các ông, bà Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng các Cục: Quản lý Dược, Quản lý khám chữa bệnh, Quản lý Y Dược cổ truyền, Khoa học Công nghệ và Đào tạo; Vụ trưởng các Vụ: Pháp chế, Bảo hiểm y tế, Kế hoạch - Tài chính;

Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các bệnh viện, viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc các cơ sở sản xuất thuốc có thuốc được công bố tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (đề b/c);
- Các Thủ trưởng Bộ Y tế;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Cục Quân Y - Bộ Quốc phòng;
- Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế giao thông vận tải - Bộ GTVT;
- Tổng Công ty dược Việt Nam - Công ty cổ phần;
- Hiệp hội Doanh nghiệp dược Việt Nam;
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Website của Cục QLD;
- Lưu: VT, QLD (02b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Quốc Cường

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2017

DANH MỤC THUỐC CÓ TÀI LIỆU CHỨNG MINH TƯƠNG ĐƯƠNG SINH HỌC (ĐỢT 17)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3412 /QĐ-BYT ngày 27/7 /2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
1	Firstlexin 250	Cephalexin	250 mg	Viên nang	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-15814-11	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco;	160 Tôn Đức Thắng, Hà Nội (SX: Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội)	Việt Nam
2	SaViProlol 2,5	Bisoprolol fumarat	2,5 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24276-16	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Lô Z.01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. HCM	Việt Nam
3	SaVi Valsartan 160	Valsartan	160 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-25269-16	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Lô Z.01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. HCM	Việt Nam
4	Panalgameffer 500	Paracetamol	500 mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 2 vỉ, 4 vỉ x 4 viên, Hộp 2 tuýp x 10 viên	VD-17904-12	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	150 đường 14 tháng 9, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Việt Nam
5	Vigentin 500mg/62,5mg	Gói 2 g chứa Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500 mg; Acid Clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali kết hợp với avicel 1:1) 62,5 mg	Amoxicilin 500 mg; Acid Clavulanic 62,5 mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 2 g	VD-22223-15	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 1 - Pharbaco	160 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội	Việt Nam
6	Amoxicilin 1G	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) 1000 mg	1000 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-23035-15	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 1 - Pharbaco	160 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội	Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
7	Celosti 200	Celecoxib	200 mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-25557-16	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.	Việt Nam
8	Mibecerex	Celecoxib	200 mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-19196-13	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Lô B, đường số 2, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Việt Nam
9	LEVODHG 500	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 512,46mg) 500 mg	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, 6 vỉ x 10 viên	VD-21558-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.	Việt Nam
10	LEVODHG 250	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 256,23 mg) 250 mg	250 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, 6 vỉ x 10 viên	VD-21557-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.	Việt Nam
11	Myleran 300	Gabapentin	300 mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-22620-15	Công ty cổ phần SPM	Lô 51, Đường số 2, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. HCM	Việt Nam
12	Egitromb	Clopidogrel hydrogensulfate, 75mg Clopidogrel	75 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên, hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-15427-12	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	1165 Budapest, Bokénfoldi út. 118-120., Hungary	Hungary
13	DH-Metglu 850	Metformin hydrochlorid	850 mg	Viên nén bao phim	Hộp 01 vỉ x 10 viên; Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-27506-17	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương	Việt Nam
14	DH-Metglu XR 1000	Metformin hydrochlorid	1000 mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 01 vỉ x 10 viên; Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-27507-17	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương	Việt Nam
15	Azithromycin 100	Mỗi gói 0,75 g chứa: Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 100 mg	100 mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 24 gói x 0,75g	VD-27557-17	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Việt Nam
16	Clabact 250	Clarithromycin	250 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-27560-17	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
17	Clabact 500	Clarithromycin	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-27561-17	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thanh-giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Việt Nam
18	Glumeform 850	Metformin hydroclorid	850 mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 5 viên	VD-27564-17	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thanh-giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Việt Nam
19	Vastec 35 MR	Trimetazidin dihydroclorid	35 mg	Viên nén bao phim giải phóng biến đổi	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-27571-17	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thanh-giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Việt Nam
20	Cefurich 500	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 500 mg	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ, 6 vỉ x 5 viên	VD-27639-17	Công ty TNHH US Pharma USA	Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Việt Nam
21	Metformin boston 850	Metformin hydroclorid	850 mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 20 viên	VD-26768-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Số 43, Đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam	Việt Nam
22	Glucoform 500	Metformin HCl	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên; hộp 2 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-26986-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam	Việt Nam
23	Opeazitro 200	Mỗi gói 2,5 g chứa: Azithromycin (dưới dạng microencapsulated Azithromycin 25%) 200 mg	200 mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 3 gói x 2,5g	VD-26996-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam	Việt Nam
24	Opeazitro 250	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 250 mg	250 mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 6 viên	VD-26997-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam	Việt Nam
25	Opeazitro 500	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 500 mg	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 3 viên	VD-26998-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam	Việt Nam
26	Opeclari 250	Clarithromycin	250 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên; hộp 5 vỉ x 6 viên	VD-26999-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam	Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
27	Auclanityl 875/125mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 875 mg; Acid Clavulanic (dưới dạng Potassium Clavulanat kết hợp với Avicel) 125 mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 875 mg; Acid Clavulanic (dưới dạng Potassium Clavulanat kết hợp với Avicel) 125 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên; hộp 6 vỉ x 10 viên; hộp 2 vỉ x 7 viên	VD-27058-17	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	15 Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Việt Nam
28	Bicebid 200	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat) 200 mg	200 mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-27256-17	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định - Việt Nam	Việt Nam
29	Mefomid 850	Metformin HCl	850 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-27263-17	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định - Việt Nam	Việt Nam
30	Cefuroxim 250	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 250 mg	250 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ, 4 vỉ x 5 viên; Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-26779-17	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Việt Nam
31	Glucosix 500	Metformin hydrochlorid	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-26678-17	Công ty cổ phần dược Danapha	253 - Dũng Sĩ Thanh Khê - Quận Thanh Khê - Tp. Đà Nẵng	Việt Nam
32	Armececepho 500	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 500 mg	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 5 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-26640-17	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xi nghiệp dược phẩm 150	112 Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Việt Nam
33	Amlobest	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat) 5 mg	5 mg	Viên nang cứng (trắng-vàng)	Hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 20 vỉ x 10 viên; hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-27391-17	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	: 27 Nguyễn Chí Thanh, phường 9, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh - Việt Nam	Việt Nam
34	Efodyl	Mỗi 1,5 g chứa: Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 125 mg	125 mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 1,5 gam	VD-27344-17	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Thôn Bá Khê, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, Hưng Yên	Việt Nam
35	Efodyl	Mỗi 3 g chứa: Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 250 mg	250 mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 3 gam	VD-27345-17	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Thôn Bá Khê, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, Hưng Yên	Việt Nam
36	Metiny	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat) 375 mg	375 mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-27346-17	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Thôn Bá Khê, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, Hưng Yên	Việt Nam
37	PymeClarocil 500	Clarithromycin	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-27315-17	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170 Nguyễn Huệ, Tuy Hòa, Phú Yên	Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
38	Metformin Stada 1000 mg MR	Metformin hydrochlorid	1000 mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-27526-17	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Số 40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam	Việt Nam
39	Turbezid	Rifampicin 150 mg; Isoniazid 75 mg; Pyrazinamid 400 mg	Rifampicin 150 mg; Isoniazid 75 mg; Pyrazinamid 400 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 12 viên; hộp 10 vỉ x 12 viên	VD-26915-17	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	415- Hàn Thuyên - Nam Định - Việt Nam	Việt Nam
40	Melanov-M	Gliclazide 80 mg; Metformin hydrochloride 500 mg	Gliclazide 80 mg; Metformin hydrochloride 500 mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20575-17	Micro Labs Limited	92, Sipcot, Hosur- 635 126, Tamil Nadu - India	India
41	Floesty	Tamsulosin HCl	0,4 g	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20567-17	Synthon Hispania, SL	Castello 1, Poligono Las Salinas, 08830 Sant Boi de Llobregat (Barcelona)- Tây Ban Nha	Spain
42	Xorimax 500mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 500 mg	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-20624-17	Sandoz GmbH	Biochemiestrasse 10, A-6250 Kundl - Austria	Austria
43	Stamlo 10	Amlodipin (dưới dạng amlodipin besilate) 10 mg	10 mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-20496-17	Dr. Reddys Laboratories Ltd.	Survey No. 42, 45 & 46, Bachupalli Village, Qutbullapur mandal, Ranga Reddy Dist, Telangana State-500090, India	India
44	Gliclada 30mg	Gliclazide	30 mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 8 vỉ x 15 viên	VN-20615-17	KRKA, D.D., Novo Mesto	Smarjeska Cesta 6, 8501 Novo Mesto, Slovenia	Slovenia
45	NifeHexal 30 LA	Nifedipin	30 mg	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19669-16	Hexal AG	Industriestrasse 25, 083607 Holzkirchen, Germany	Germany
46	Beatil 4mg/ 10mg (Xuất xứ: Gedeon Richter Plc.; Đ/c: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103, Hungary)	Perindopril (dưới dạng Perindopril tert-butylamin) 4 mg; Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 10 mg	Perindopril (dưới dạng Perindopril tert-butylamin) 4 mg; Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 10 mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20509-17	Gedeon Richter Polska Sp. z o.o.	Ul. Ks. J. Poniatowskiego 5, 05-825 Grodzisk Mazowiecki, Poland	Poland
47	Beatil 4mg/5mg (Xuất xứ: Gedeon Richter Plc.; Đ/c: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103, Hungary)	Perindopril tert-butylamin 4 mg; Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 5 mg	Perindopril tert-butylamin 4 mg; Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 5 mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20510-17	Gedeon Richter Polska Sp. z o.o.	Ul. Ks. J. Poniatowskiego 5, 05-825 Grodzisk Mazowiecki, Poland	Poland

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
48	Beatil 8mg/ 10mg (Xuất xứ: Gedeon Richter Plc.; Đc: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103, Hungary)	Perindopril tert-butylamin 8 mg; Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 10 mg	Perindopril tert-butylamin 8 mg; Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 10 mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20511-17	Gedeon Richter Polska Sp. zo.o.	Ul. Ks. J. Poniatowskiego 5, 05-825 Grodzisk Mazowiecki, Poland	Poland

KT BỘ TRƯỞNG
Y THỦ TRƯỞNG



Trương Quốc Cường